



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2006**

**TP. Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2007**

## Mục lục

<b>Mục lục</b>	<b>2</b>
<b>Phần A: TỔNG QUAN CÔNG TY SPT</b>	<b>3</b>
I. Thông tin chung	3
II. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển	3
III. Định hướng phát triển	5
<b>Phần B: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG</b>	<b>6</b>
I. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2006	6
II. Tình hình thực hiện so với năm trước	7
III. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	8
V. Những tiến bộ Công ty SPT đã đạt được	9
VI. Các biện pháp kiểm soát	9
VII. Kế hoạch phát triển trong tương lai	10
<b>Phần C: BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	<b>11</b>
I. Báo cáo Tài chính	11
II. Báo cáo Kiểm toán	13
<b>Phần D: CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN</b>	<b>15</b>
<b>Phần E: TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CỔ ĐÔNG</b>	<b>17</b>
I. Cơ cấu tổ chức Công ty	17
II. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động	18
III. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	18
IV. Ban Điều hành Công ty	27
V. Thông tin tổng hợp về cổ đông	30

## Phần A

# TỔNG QUAN CÔNG TY SPT

### I. Thông tin chung

- Tên giao dịch tiếng Việt:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

- Tên giao dịch đối ngoại: **SAIGON POSTEL CORP.**

- Tên viết tắt: **SPT**

- Trụ sở chính: 45 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (84.8) 404 0608 Fax: (84.8) 404 0609

- Email: [vanphong@saigonpostel.com.vn](mailto:vanphong@saigonpostel.com.vn)

- Website: <http://www.spt.vn>

- Mã số thuế: 0300849034 – 1

- Tài khoản:

+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

. Tài khoản Việt Nam đồng: 007.100.0020593

. Tài khoản ngoại tệ: 007.137.0100333

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

. Tài khoản Việt Nam đồng: 4211.30.00.00.0165

. Tài khoản ngoại tệ: 4221.30.37.00.0165

### II. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT) thành lập theo Giấy phép số 2914/GP.UB ngày 27/12/1995, là Công ty cổ phần đầu tiên hoạt động trong lĩnh vực Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

#### 2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, lắp ráp thiết bị viễn thông, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông. Thiết kế, lắp đặt, bảo trì hệ thống thiết bị thuê bao và mạng lưới bưu chính viễn thông chuyên dùng. Xây dựng công trình bưu chính viễn thông. Kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông. Cung cấp dịch vụ Internet công cộng (ISP), cung cấp thông tin lên mạng Internet (ICP), thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ điện thoại trung kế vô tuyến, thiết lập mạng viễn thông công cộng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, thiết lập mạng lưới và kinh doanh các dịch vụ viễn thông. Kinh doanh các loại hình dịch vụ bưu chính trong nước và

quốc tế, làm đại lý ủy thác chuyên phát tài liệu, chứng từ kinh doanh và hàng hóa trong phạm vi cả nước (phải thực hiện theo qui định của pháp luật). Cung cấp các loại dịch vụ viễn thông sử dụng giao thức IP. Mua bán điện thoại. Cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP): dịch vụ kết nối Internet trong nước (NIX) và dịch vụ kết nối Internet quốc tế (IIG). Chuyển tiền nhanh. Dịch vụ quảng cáo. Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ thông tin di động mặt đất. Cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet viễn thông. Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo hành thiết bị đầu cuối.

Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Trang trí nội-ngoại thất. Lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp, ăng ten truyền hình, cáp và mạng thông tin, thiết bị bảo vệ, báo động, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị cấp thoát nước, điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, cầu thang, thang máy, băng chuyền tự động.

## **2.2. Tình hình hoạt động:**

Năm 1996, Công ty SPT khởi đầu hoạt động bằng việc cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyên phát tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và tiếp tục đi vào lĩnh vực viễn thông khi cung cấp dịch vụ Internet (ISP) với thương hiệu SaigonNet, trở thành một trong bốn nhà cung cấp dịch vụ Internet (ICP) đầu tiên tại Việt Nam. Website <http://www.saigonnet.vn> được đông đảo bạn đọc quan tâm sử dụng.

Ngoài ra trong giai đoạn ban đầu này, Công ty SPT từng bước tham gia vào lĩnh vực công nghệ thông tin khi liên doanh với Công ty Spacebel (Vương quốc Bỉ) và Phân viện Công nghệ Thông tin tại TP.HCM thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Phần mềm Sài Gòn (SDC) có chức năng sản xuất, gia công phần mềm, đào tạo và cung cấp các giải pháp về công nghệ thông tin.

Cùng với sự phát triển của công nghệ Internet, Công ty SPT nhanh chóng cung cấp dịch vụ VoIP đường dài trong nước và quốc tế giá rẻ cho người tiêu dùng với thương hiệu 177. Đến nay, các loại thẻ gọi điện thoại quốc tế SnetFone, SnetUS, SnetAsia, AloVoiz, Svoiz, Fone24h đã chiếm ưu thế vượt trội trên thị trường thẻ PC-2-Phone chính thức tại Việt Nam.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty SPT đã đưa mạng điện thoại cố định đầu số 4 vào khai thác và đang thiết lập hạ tầng để mở rộng ra các tỉnh thành lân cận. Đây là mạng điện thoại cố định thứ 2 của Việt Nam, mang lại cho khách hàng nhiều chọn lựa cạnh tranh hơn. Công ty đã đạt xấp xỉ 150.000 thuê bao cố định và ADSL quy đổi. Đặc biệt, Công ty SPT là đơn vị phục vụ trọn gói dịch vụ viễn thông tại khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng và nhiều khu dân cư tập trung khác.

Về dịch vụ điện thoại di động, Công ty SPT giữ vị trí tiên phong trong

việc triển khai công nghệ CDMA 2000-1x tại Việt Nam với thương hiệu S-Fone. Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty SLD Telecom Pte., Ltd. (Hàn Quốc). Mạng S-Fone là bước đột phá trong lĩnh vực điện thoại di động của thị trường viễn thông Việt Nam và được bình chọn là một trong bốn sự kiện đặc biệt nổi bật trong năm 2003 của ngành, ngày càng được củng cố hoàn thiện để cung cấp cho khách hàng nhiều loại hình dịch vụ đa dạng, chất lượng tốt với giá cả cạnh tranh trên phạm vi cả nước. Cho đến nay, Mạng S-Fone là mạng di động duy nhất cung cấp dịch vụ truy cập Internet tốc độ cao qua USB và dịch vụ Tivi trên sóng di động.

Đến nay, Công ty SPT đã có đủ các giấy phép hoạt động về Viễn thông tại Việt Nam, đặc biệt là 02 giấy phép thiết lập hạ tầng mạng trực quốc gia và quốc tế. Công ty SPT đang từng bước mở rộng mạng lưới cung cấp các loại hình dịch vụ tại 64 tỉnh thành trong cả nước và đầu tư ra nước ngoài. Hiện Công ty SPT đang cung cấp nhiều loại hình dịch vụ cho hàng triệu thuê bao; thị phần ngày càng mở rộng; thương hiệu SPT được nhận diện rộng rãi. Vốn điều lệ Công ty tăng nhiều lần so với 50 tỷ đồng ban đầu. Trong những năm gần đây, tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông Công ty đạt tỉ lệ bình quân 15%/năm trên vốn góp.

Với những đóng góp đó, từ năm 2001 đến năm 2004, Công ty SPT liên tục được Chính phủ và Thành phố tặng nhiều Bằng khen, Cờ Đơn vị xuất sắc và đặc biệt, trong năm 2005, được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động Hạng 3. Năm 2006, Công ty SPT đoạt giải “Thương hiệu mạnh 2006” trong Chương trình Thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo Kinh tế Việt Nam phối hợp Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Thương mại) tổ chức.

Hàng năm, các chương trình “Dân ta biết sử ta”, “Đồng hành vì người nghèo”, “Ngày hội hiến máu nhân đạo” của Công ty SPT thu hút đông đảo người tham gia và tạo dư luận tốt trong xã hội.

Sau hơn 10 năm hoạt động và phát triển với quyết tâm cao và năng lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ viên chức, Công ty SPT đã khẳng định thương hiệu và tầm vóc SPT trên thị trường bưu chính viễn thông trong nước và quốc tế.

### **III. Định hướng phát triển**

#### **3.1. Về dịch vụ:**

- Triển khai kế hoạch mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ ra phạm vi toàn quốc một cách phù hợp, hiệu quả. Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng phục vụ và chất lượng công tác chăm sóc khách hàng đối với các dịch vụ Công ty đang cung cấp.

- Nghiên cứu phát triển các dịch vụ mới, các dịch vụ giá trị gia tăng để mang thêm các lợi ích cho khách hàng và khai thác sử dụng có hiệu quả hạ tầng viễn thông định hướng băng rộng, đa dịch vụ đã và đang được đầu tư.

### **3.2. Về hạ tầng và công nghệ:**

- Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông trong nước và quốc tế của công ty dựa trên nền công nghệ tiên tiến, dung lượng lớn, đồng bộ, có đủ năng lực để cung cấp đa dịch vụ băng rộng phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ (thoại, dữ liệu, hình ảnh).

- Nghiên cứu cập nhật các khuynh hướng phát triển công nghệ, dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin trên thế giới. Có chiến lược phù hợp và kế hoạch ứng dụng hiệu quả vào phát triển hạ tầng mạng lưới và dịch vụ của Công ty.

### **3.3. Quản trị doanh nghiệp:**

- Triển khai kế hoạch nghiên cứu tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển Công ty. Nghiên cứu các khả năng phát triển sang các ngành nghề liên quan trong quá trình xây dựng chiến lược Công ty.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến tài sản con người. Hình thành và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, gắn bó với doanh nghiệp, có trách nhiệm với khách hàng và với cổ đông của Công ty.

### **3.4. Quan hệ với đối tác, cổ đông, khách hàng:**

- Tích cực xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác bình đẳng, hiệu quả với các đối tác trong và ngoài nước cho sự phát triển của Công ty.

- Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các cổ đông hiện hữu của Công ty. Có định hướng tìm cổ đông chiến lược là doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước có kiến thức, kinh nghiệm về ngành nghề liên quan, có khả năng hỗ trợ về chuyên môn, về tài chính, về quản trị doanh nghiệp... đóng góp hiệu quả vào việc mang lại giá trị tăng thêm đối với hoạt động của Công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách và quy trình phục vụ, quy trình chăm sóc đối với khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Xây dựng phong cách phục vụ văn minh, chuyên nghiệp, phấn đấu để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng và trở thành một công ty có được sự lựa chọn cao từ khách hàng.

## **Phần B**

# **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG**

## **I. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2006**

- Có đầy đủ giấy phép về thiết lập hạ tầng mạng viễn thông đường dài quốc tế và thiết lập mạng viễn thông đường dài trong nước.

- Lợi nhuận trước thuế: 75,5 tỷ đồng. Tiến hành tăng vốn điều lệ thêm 100

tỷ đồng thành công, thu được thặng dư vốn gần 640 tỷ đồng.

- Số thuê bao của dịch vụ điện thoại di động S-Fone tăng gấp 3,5 lần so với cả 3 năm trước đó cộng lại, giá trị đầu tư năm 2006 tăng hơn 100% so với năm 2005. Về cơ bản đã phủ sóng toàn quốc tại 64 Tỉnh, Thành và đưa công nghệ EV-DO vào khai thác.

## II. Tình hình thực hiện so với năm trước

### 2.1. Về kinh doanh:

- Doanh thu: 1.041,3 tỷ đồng, tăng 16,3% so với thực hiện năm 2005<sup>1</sup>.
- Lợi nhuận trước thuế: 75,5 tỷ đồng, tăng 75,3% so với thực hiện năm 2005.
- Nộp ngân sách Nhà nước: 27,8 tỷ đồng, bằng 83% so với năm 2005.
- Khấu hao: 117,78 tỷ đồng, lũy kế đến 31/12/2006: 311,58 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận và khấu hao năm 2006: 193,3 tỷ đồng, tăng 38,3% so với thực hiện năm 2005.
- Lao động bình quân trong năm: 1.647 người, thu nhập bình quân: 4,2 triệu đồng/người/tháng (không tính các đơn vị hợp doanh).

### 2.2. Về đầu tư:

- Đầu tư lớn với tổng giá trị đầu tư hoàn thành 182,09 tỷ đồng.

#### Trong đó:

- + Đầu tư cho hệ thống mạng VoIP và Internet: 7,29 tỷ đồng;
- + Đầu tư cho mạng điện thoại cố định: 171,75 tỷ đồng.
- Tổng giá trị đầu tư lũy kế: 649,56 tỷ đồng.

Riêng Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom), tổng giá trị đầu tư trong năm 2006 đạt 69,5 triệu USD (tương đương 1.112 tỷ đồng), lũy kế đến 31/12/2006: 149,2 triệu USD (tương đương 2.387,2 tỷ đồng).

### 2.3. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ Công ty SPT tính đến thời điểm 31/12/2006 là 250 tỷ đồng (Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064090 ngày 17/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 29/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

---

<sup>1</sup> Nếu tính cả Doanh thu của Trung tâm S-Telecom (462,1 tỷ đồng) thì Tổng Doanh thu toàn Công ty là 1.503,4 tỷ đồng.

### III. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

#### 3.1. Dự báo thị trường năm 2007:

##### 3.1.1. Thuận lợi:

- Lợi thế từ việc có đầy đủ giấy phép hạ tầng mạng viễn thông phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển, cung cấp dịch vụ

- Nền tảng thuận lợi của những dự án mới đang triển khai AAG, NGN, Mạng truyền dẫn Microwave, đầu tư vào Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, các tòa nhà văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ...

- Nguồn vốn đã huy động đáp ứng được nhu cầu đầu tư lớn vào các khu vực, dịch vụ trọng điểm. Có sự tham gia góp vốn của các cổ đông có tiềm lực kinh tế mạnh.

##### 3.1.2. Khó khăn:

- Thị trường cạnh tranh khốc liệt hơn các năm trước.

- Tiếp tục chịu áp lực của các chính sách thay đổi về giá cước, qui hoạch, hội nhập, cấp phép...

#### 3.2. Định hướng kinh doanh năm 2007:

- Tập trung đầu tư hạ tầng mạng (Mạng thế hệ kế tiếp NGN, MW, xây dựng các Trung tâm điều hành, nhà trạm, Dự án cáp quang biển Châu Á – Mỹ AAG...).

- Phát triển, khai thác hiệu quả các dịch vụ chủ lực đang cung cấp như S-Fone, VoIP, điện thoại cố định, ADSL, bưu chính.

- Mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ phát chuyển nhanh, điện thoại cố định, ADSL tại các Tỉnh, Thành trọng điểm.

- Tập trung phát triển mạnh thuê bao đồng thời đảm bảo chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng.

- Nghiên cứu và triển khai kinh doanh các dịch vụ mới, dịch vụ giá trị gia tăng.

- Mở rộng hoạt động kinh doanh thị trường khu vực và quốc tế.

#### 3.3. Mục tiêu kinh doanh 2007:

- Tổng doanh thu: 1.117,05 tỷ đồng<sup>2</sup>.

- Lợi nhuận trước thuế: 95,9 tỷ đồng.

- Chi phí khấu hao: 133,5 tỷ đồng.

<sup>2</sup> Nếu tính cả doanh thu của Trung tâm S-Telecom: 1.376 tỷ đồng thì tổng doanh thu kế hoạch toàn Công ty là 2.493,05 tỷ đồng.



- Lợi nhuận + khấu hao: 229,4 tỷ đồng.

## V. Những tiến bộ Công ty SPT đã đạt được

### 5.1. Về kinh doanh:

- Khôi phục hiệu quả kinh doanh, đặc biệt trong kinh doanh quốc tế, để tạo nguồn thu và bảo đảm lợi nhuận cho các cổ đông;
- Giữ vững mối quan hệ với các khách hàng lớn, truyền thông bằng chính sách kinh doanh linh hoạt, đặc biệt;
- Triển khai được mạng lưới kinh doanh trên phạm vi toàn quốc và duy trì Văn phòng đại diện tại Hồng Kông.
- Triển khai việc chuẩn hóa hệ thống nhận diện thương hiệu.

### 5.2. Về cơ cấu tổ chức:

Năm 2006, số nhân lực 1.600 người không tăng so năm trước nhưng hiệu quả hoạt động kinh doanh tăng. Đạt được thành quả nêu trên là do:

- Nỗ lực của Công ty trong việc xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, hoạt động hiệu quả;
- Chất lượng của đội ngũ quản lý được chú trọng nâng cao với các chương trình đào tạo cơ bản và dài hạn;
- Trẻ hóa đội ngũ quản lý;

### 5.3. Về trách nhiệm xã hội:

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và nghĩa vụ với người lao động và xã hội;
- Tích cực hưởng ứng tham gia nhiều công tác xã hội trong các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tổ chức như: thăm, tặng quà cho dân nghèo tại Thành phố và các tỉnh; ủng hộ giúp người dân khắc phục thiên tai lũ lụt; đóng góp cho Quỹ vì người nghèo...

## VI. Các biện pháp kiểm soát

- Giao ban định kỳ trao đổi công việc với các Giám đốc các Trung tâm, Trưởng Phòng, Ban, Đơn vị để giải quyết những vấn đề phát sinh chung của Công ty;
- Xây dựng hoàn chỉnh các quy định tài chính kế toán, các thủ tục kiểm soát nội bộ;
- Hoàn thiện các quy trình chuẩn nội bộ các đơn vị, giữa các đơn vị, giữa Đơn vị và Công ty.

## VII. Kế hoạch phát triển trong tương lai

### 7.1. Kinh doanh:

- Giữ vững, phát triển thị phần đạt được với các dịch vụ truyền thông;
- Nghiên cứu triển khai sản phẩm mới theo xu hướng hội tụ số, phát triển mạng lưới và khách hàng ở các khu vực, thị trường trọng điểm, khu công nghiệp, khu dân cư cao cấp, bệnh viện, trường học;
- Tiếp cận thị trường Mỹ và Hồng Kông qua mạng lưới bán lại dịch vụ;
- Chuẩn bị phát triển các loại hình dịch vụ xuyên biên giới dựa trên ưu thế tuyến cáp quang biển mới AAG;
- Chọn lọc đối tác để hợp tác, phát huy thế mạnh của nhau về kinh nghiệm kinh doanh, công nghệ, dịch vụ, khách hàng và vốn đầu tư;

### 7.2. Đầu tư:

- Đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển mạng lưới hiện tại;
- Đầu tư lớn vào các dự án chiến lược mang lại hiệu quả dài hạn trong tương lai như NGN, AAG, Microwave;
- Tận dụng lợi thế giấy phép để đầu tư mạng truyền dẫn trong nước và quốc tế để chủ động trong kinh doanh, cắt giảm chi phí và tăng doanh thu.

### 7.3. Tài chính:

- Thay đổi cơ cấu sử dụng nguồn vốn;
- Sử dụng Vốn Điều lệ tăng thêm và thặng dư vốn để tài trợ các dự án trọng điểm.

### 7.4. Tổ chức nhân sự:

- Tăng số lượng nhân sự theo yêu cầu phát triển kinh doanh;
- Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo;
- Tổ chức các chương trình huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ;
- Hoàn chỉnh chế độ đánh giá năng lực, trả công, khen thưởng động viên kịp thời.

### 7.5. Kiểm soát:

- Thực hiện xuyên suốt các biện pháp kiểm soát và điều chỉnh trong quá trình hoạt động để đảm bảo chuẩn hóa vận hành công việc và đáp ứng hiệu quả với sự biến đổi nhanh của thị trường viễn thông Việt Nam trong giai đoạn hiện nay;
- Thực hiện phân cấp và tạo cơ chế linh hoạt cho các trung tâm hoạt động kinh doanh.

**Phần C****BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Tổ chức kiểm toán**

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán DTL.
- Địa chỉ: 140 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 827 5026 Fax: (84.8) 827 5027
- Email: dtlco@horwathdtl.com.vn
- Website: <http://www.horwathdtl.com>

**I. Báo cáo Tài chính****1.1. Bảng cân đối kế toán**

Số TT	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>962,820,563,427</b>	<b>348,659,192,076</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	126,750,629,248	65,234,075,684
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	107,500,000,000	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	663,910,759,654	206,959,324,007
4	Hàng tồn kho	55,164,897,783	58,607,226,885
5	Tài sản ngắn hạn khác	9,494,276,742	17,858,565,500
<b>II</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>614,338,713,339</b>	<b>440,643,904,741</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	405,516,708,618	345,970,377,380
	- Tài sản cố định hữu hình	311,943,446,595	244,837,251,694
	- Tài sản cố định vô hình	26,039,950,700	25,510,573,149
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	67,533,311,323	75,622,552,537
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	193,591,596,071	85,724,685,563
5	Tài sản dài hạn khác	15,230,408,650	8,948,841,798
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1,577,159,276,766</b>	<b>789,303,096,817</b>
<b>IV</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>820,609,952,835</b>	<b>570,231,198,596</b>
1	Nợ ngắn hạn	692,275,421,491	504,036,046,567
2	Nợ dài hạn	128,334,531,344	66,195,152,029
<b>V</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>756,549,323,931</b>	<b>219,071,898,221</b>
1	Vốn chủ sở hữu	751,827,517,600	211,371,844,661
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	225,000,000,000	150,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	411,005,900,000	-

Số TT	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu ngân quỹ	(1,500,000)	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Quỹ đầu tư phát triển	17,968,454,155	3,371,088,210
	- Quỹ dự phòng tài chính	26,714,088,858	23,208,573,472
	- Các quỹ	-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	71,140,574,587	34,792,182,979
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	4,721,806,331	7,700,053,560
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	4,678,506,331	7,656,753,560
	- Nguồn kinh phí	43,300,000	43,300,000
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1,577,159,276,766</b>	<b>789,303,096,817</b>

### 1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh

Số TT	Nội dung	2006	2005
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,041,384,265,665	895,535,988,650
2	Các khoản giảm trừ	83,811,926	13,477,080,466
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	1,041,300,453,739	882,058,908,184
4	Giá vốn hàng bán	707,053,762,317	687,531,365,806
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	334,246,691,422	194,527,542,378
6	Doanh thu hoạt động tài chính	8,977,074,307	6,187,620,864
7	Chi phí tài chính	27,975,298,253	13,299,621,901
8	Chi phí bán hàng	153,185,051,204	89,556,884,102
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	98,152,750,007	82,058,532,667
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	63,910,666,265	15,800,124,572
11	Thu nhập khác	14,004,779,326	28,177,372,419
12	Chi phí khác	2,376,043,991	88,456,427
13	Lợi nhuận khác	11,628,735,335	28,088,915,992
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	75,539,401,600	43,889,040,564
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5,016,844,548	5,654,776,158
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70,522,557,052	38,234,264,406
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	45,134	35,158
18	Cổ tức trên cổ phiếu	15,000	12,000

### 1.3. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

Chỉ số	2006	2005
<b>Tỷ số thanh toán</b>		
Tỷ số thanh toán hiện hành	1.39	0.69
Tỷ số thanh toán nhanh	1.31	0.58
<b>Tỷ suất sinh lợi</b>		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	6.77%	4.27%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (%)	6.46%	4.84%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (%)	26.53%	18.09%

### 1.3.1. Tỷ số thanh toán:

Tỷ số thanh toán của Công ty SPT năm 2006 chuyển biến tích cực so với năm 2005 do Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng, nguồn vốn đủ để triển khai các dự án, tái cơ cấu nguồn vốn, bổ sung vốn lưu động.

### 1.3.2. Tỷ số sinh lợi:

Do Công ty thực hiện tăng vốn vào tháng 12/2006 nên các tỷ số được xác định căn cứ tại thời điểm 31/12/2006 sẽ bị ảnh hưởng. Do vậy, tổng tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu được tính trên nguồn vốn kinh doanh thực tế bình quân trong năm 2006 (không kể khoản vốn tăng vào cuối năm 2006 từ các cổ đông mới do thời điểm thu tiền vào đầu năm 2007).

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu năm 2006 tăng so với năm 2005 cho thấy tốc độ tăng của lợi nhuận cao hơn tốc độ tăng của doanh thu nhờ hợp lý hoá và tiết kiệm chi phí, giảm thiểu công nợ rủi ro tài chính.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản và trên vốn cổ phần đều tăng so với năm 2005 cho thấy, trong năm 2006, Công ty SPT đã tăng quy mô hoạt động, tăng đầu tư vào tài sản và tăng cường vốn chủ sở hữu đã đem lại hiệu quả hoạt động tương ứng, cho thấy khả năng sử dụng hiệu quả tài sản, đồng vốn đầu tư.

*Ghi chú: Tổng tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu được tính trên nguồn vốn kinh doanh thực tế bình quân trong năm 2006 (không kể khoản vốn tăng vào cuối năm 2006 từ các cổ đông mới do thời điểm thu tiền vào đầu năm 2007).*

## II. Báo cáo Kiểm toán

### 2.1. Ý kiến kiểm toán độc lập

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2006, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Dịch vụ

Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

## 2.2. Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi. Tuy nhiên ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

### 2.2.1. Phạm vi kiểm toán

Phạm vi của cuộc kiểm toán này không bao gồm Báo cáo tài chính của Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom). Theo công văn số 8661/BTC-CĐKT ngày 14/7/2006 của Bộ Tài chính, Công ty SPT được tạm thời chưa thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Trung tâm S-Telecom vào Báo cáo tài chính của Công ty SPT đến hết năm 2008 để hai Bên hợp doanh có thời gian hoàn thành báo cáo quyết toán vốn đầu tư cũng như xác định giá trị tài sản vô hình của Công ty SPT vào dự án.

Bên cạnh đó, số liệu kế toán của Trung tâm Điện thoại Nam Sài Gòn được căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn kế toán BHP.

### 2.2.2. Công trình mạng cáp dờ dang

Chi phí xây dựng công trình cáp dờ dang đến ngày 31/12/2006 bao gồm chi phí cáp và chi phí xây dựng khác như được nêu tại mục 5.4.2 “Hàng tồn kho”, mục 5.7.1 và 5.7.2 “Chi phí xây dựng cơ bản dờ dang” của thuyết minh báo cáo tài chính.

Hiện nay, Công ty đang tập hợp chi phí xây dựng khác theo thực tế phát sinh và sẽ ghi giảm căn cứ vào Biên bản quyết toán công trình hoàn thành. Vì vậy, chi phí xây dựng khác còn dờ dang chủ yếu là chi phí của các công trình đang thi công, công trình đã thi công xong nhưng chưa được quyết toán. Do chi phí thực tế phát sinh của từng công trình và giá trị công trình hoàn thành của từng công trình có thể khác nhau nên số dư chi phí xây dựng cơ bản nêu trên có thể còn tồn đọng các khoản chênh lệch giữa chi phí thực tế phát sinh và giá trị quyết toán của các công trình hoàn thành.

Mặt khác, một số công trình cáp đã hoàn thành và đi vào khai thác nhưng do chưa có quyết toán nên Công ty chưa ghi tăng tài sản cố định. Vì vậy, Công ty chưa tạm trích khấu hao các công trình này vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Như vậy, nếu khoản chênh lệch như trình bày ở trên được ghi nhận thì kết quả kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2006 sẽ tăng (giảm) đi một khoản tương ứng. Ngoài ra, đối với các công trình cáp đã hoàn thành và đi vào khai thác nhưng chưa có quyết toán, nếu Công ty tạm trích khấu hao vào chi phí trong kỳ thì kết quả kinh doanh trong năm sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

### **2.3. Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề trên, xét trên phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn vào ngày 31/12/2006 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

## **Phần D**

### **CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

**I. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty SPT: không có.**

**II. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty SPT nắm giữ: không có.**

**III. Báo cáo tình hình góp vốn thực tế của Công ty SPT vào các đơn vị liên doanh, các công ty cổ phần khác đến ngày 31/12/2006**

#### **3.1. Công ty Phát triển Phần mềm Sài Gòn (SDC):**

- Trụ sở: 10 Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 404 0555 Fax: (84.8) 404 0556
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Vốn điều lệ: 350.000 USD
- Vốn góp của Công ty SPT: 1.892.785.563 đồng, chiếm tỷ lệ 39% Vốn điều lệ Công ty SDC.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh phần mềm
- Dịch vụ tin học; Cung cấp máy tính, thiết bị mạng và phần mềm trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông.

**3.2. Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom):**

- Trụ sở: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 404 0079 Fax: (84.8) 925 4287
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 03005683CN41 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/9/2001.
- Vốn hoạt động: 229.617.000 USD
- Vốn góp của Công ty SPT: 175.706.596.071 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ thông tin di động.

**3.3. Công ty Cổ phần Cấp Sài Gòn (SCC):**

- Trụ sở: Đường Long Phước, Khu công nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: (84.8) 512 2931
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4703000255 ngày 06/7/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty SPT: 15.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 05% Vốn điều lệ Công ty SCC.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các loại cáp vật liệu viễn thông.

**3.4. Công ty Cổ phần Nhựa Sacom (SPC):**

- Trụ sở: Khu công nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: (84) 913 765 749
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4703000327 ngày 17/7/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty SPT: 1.800.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 3,60% Vốn điều lệ Công ty SPC.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm ống nhựa.

**3.5. Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường (Sametel):**

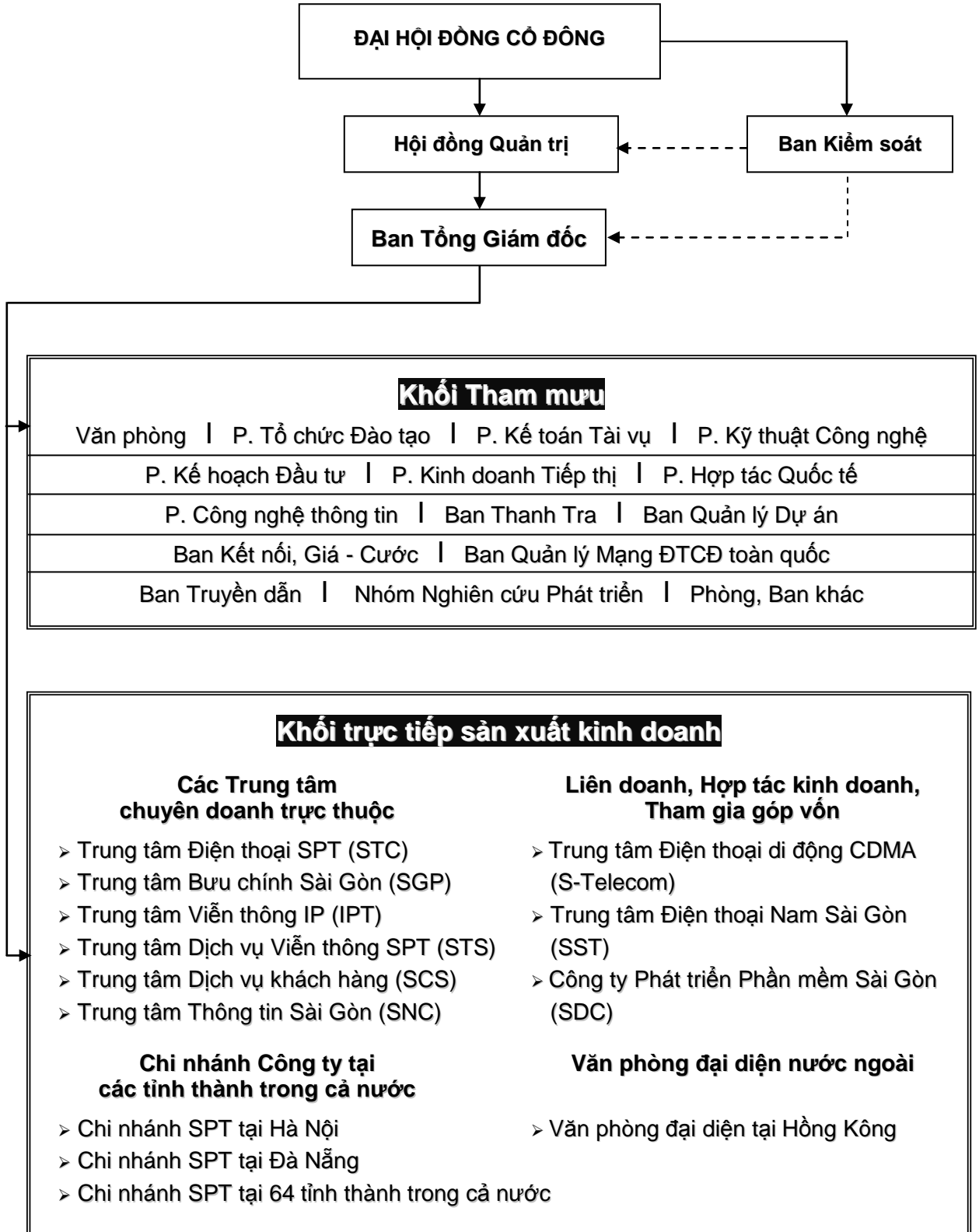
- Trụ sở: đường số 4, Khu công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:



- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty SPT: 1.085.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 4,34% Vốn điều lệ Công ty Sametel.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị vật liệu điện và viễn thông.

## Phần E TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CỔ ĐÔNG

### I. Cơ cấu tổ chức Công ty



## II. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động

- Số lượng cán bộ, nhân viên đến ngày 31-12-2006 là 1.571 người (không bao gồm Trung Tâm S- Telecom và SST).

- Thu nhập bình quân của Cán bộ, viên chức: 4,2 triệu đồng/người/tháng.

- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của nhà nước quy định cho người lao động. Phối hợp với Công đoàn thực hiện các phúc lợi khác như chế độ cho lao động nữ, con nhân viên, trợ cấp hoặc các hình thức chăm lo khác cho gia đình nhân viên.

- Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các khoá đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức, trình độ quản lý cho cán bộ lãnh đạo trong và ngoài nước, tổ chức các khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho viên chức kỹ thuật, trực tiếp sản xuất...

## III. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

**3.1. Hội đồng Quản trị:** gồm 11 thành viên và có cơ cấu như sau:

- Thành viên thường trực:

- + Bà Trần Thị Ngọc Bình, Chủ tịch.
- + Ông Nguyễn Dương Hiệu, Phó Chủ tịch.
- + Bà Huỳnh Ngọc Cẩm, Ủy viên Thường trực.

- Thành viên không thường trực:

- + Ông Đặng Minh Đạt, Ủy viên.
- + Ông Nguyễn Đình Hiếu, Ủy viên.
- + Ông Nguyễn Phước Minh, Ủy viên.
- + Ông Nguyễn Quang Sơn, Ủy viên.
- + Ông Nguyễn Hữu Thắng, Ủy viên.
- + Ông Nguyễn Bá Thước, Ủy viên.
- + Ông Nguyễn Quang Tiên, Ủy viên.
- + Ông Phạm Ngọc Tuấn, Ủy viên – Tổng Giám đốc

**3.1.1. Bà TRẦN THỊ NGỌC BÌNH,** Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gò Dầu, Tây Ninh
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống Vô tuyến điện

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty SPT

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Ban Tài chính Quản trị Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh sở hữu: 93.297 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,732% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 419 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,017% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

3.1.2. Ông **NGUYỄN DƯƠNG HIỆU**, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1958

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Tân Yên, Hà Bắc

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành (Sunimex)

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Tổng Công ty Bến Thành (Sunimex) sở hữu: 95.641 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,826% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,020% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

3.1.3. Bà **HUỲNH NGỌC CẨM**, Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ

- Năm sinh: 1960

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Gò Công, Tiền Giang

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị Công ty SPT – Chuyên trách

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty TNHH 1 thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro) sở hữu: 93.351 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,734% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 419 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,017% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

3.1.4. Ông **ĐẶNG MINH ĐẠT**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1963

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Cần Đước, Long An

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính

- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Chánh Văn phòng Quận ủy Quận 1

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Quận ủy Quận 1 sở hữu: 93.219 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,729% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 298 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

3.1.5. Ông **NGUYỄN ĐÌNH HIẾU**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1947

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Từ Liêm, Hà Nội

- Trình độ văn hoá: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay:

- + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
- + Giám đốc Công ty Quản lý Nhà Quận 1
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Công ty Quản lý Nhà Quận 1 sở hữu: 361.617 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,465% Vốn điều lệ.
  - + Cổ phần cá nhân: 419 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,017% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

### 3.1.6. Ông **NGUYỄN HỮU THẮNG**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hóa
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
  - + Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Kinh doanh Nhà Bến Thành
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Kinh doanh Nhà Bến Thành sở hữu: 90.388 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,616% Vốn điều lệ.
  - + Cổ phần cá nhân: 298 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

### 3.1.7. Ông **NGUYỄN PHƯỚC MINH**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1955
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Diêu Trì, Tuy Phước
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
  - + Phó Trưởng Ban Tài chính Quản trị Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Công ty TNHH 1 thành viên Du lịch – Thương mại Kỳ Hòa sở hữu: 94.928 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,797% Vốn điều lệ.
  - + Cổ phần cá nhân: 399 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,016% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

### 3.1.8. Ông **NGUYỄN QUANG SƠN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1957
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sài Gòn
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
  - + Giám đốc Công ty Đầu tư Miền Đông (MGICO)
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Công ty Đầu tư Miền Đông sở hữu: 40.173 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,607% Vốn điều lệ.
  - + Cổ phần cá nhân: 399 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,016% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

### 3.1.9. Ông **PHẠM NGỌC TUẤN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1952
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiền Giang

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hoá Công nghiệp, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Công ty Cổ phần TIE sở hữu: 46.825 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,873% Vốn điều lệ.
  - + Cổ phần cá nhân: 338 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,014% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

### 3.1.10. Ông **NGUYỄN QUANG TIÊN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1954
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Nam – Đà Nẵng
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
  - + Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành
  - + Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico)
  - + Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
  - + Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Saigon Ford
  - + Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dana Ford
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Công ty Savico sở hữu: 90.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,60% Vốn điều lệ.
  - + Cổ phần cá nhân: 399 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,016% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

### 3.1.11. Ông **NGUYỄN BÁ THUỐC**, Ủy viên Hội đồng Quản trị



- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1950
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Diễn Châu, NGHỆ AN
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Viễn thông
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
  - + Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)
  - + Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty tài chính Bưu điện
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam sở hữu: 335.798 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,432% Vốn điều lệ.
  - + Cổ phần cá nhân: 338 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,014% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

**3.2. Ban Kiểm soát:** gồm 03 thành viên và có cơ cấu như sau:

- Thành viên thường trực:
  - + Bà Nguyễn Ngọc Tuyên, Thành viên thường trực.
- Thành viên không thường trực:
  - + Ông Thân Hải Thanh, Trưởng Ban.
  - + Ông Bùi Xuân Bắc, Phó Trưởng ban.

**3.2.1. Ông THÂN HẢI THANH, Trưởng Ban Kiểm soát**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1950
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Nam
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân chính trị
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Trưởng ban Ban Kiểm soát Công ty SPT
  - + Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Công ty TNHH 1 thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành (Ben Thanh Tourist)

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty TNHH 1 thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành sở hữu: 35.290 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,412% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 480 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,019% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

3.2.2. Ông **BÙI XUÂN BẮC**, Phó Trưởng ban Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1959

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hà Nam

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Phó Trưởng ban Ban Kiểm soát Công ty SPT

+ Phó Giám đốc Công TNHH TNT (T&T Co. Ltd)

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty TNHH TNT sở hữu: 92.540 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,702% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 298 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

3.2.3. Bà **NGUYỄN NGỌC TUYỀN**, Thành viên thường trực Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ

- Năm sinh: 1966

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Bến Tre

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty

## SPT

- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Cổ phần cá nhân: 90 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

**IV. Ban Điều hành Công ty**

**Ban Tổng Giám đốc:** 07 thành viên và Kế toán trưởng

**4.1. Ông PHẠM NGỌC TUẤN, Tổng Giám đốc**

*(Vui lòng xem Phần Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát)*

**4.2. Ông NGUYỄN NHẬT TÂN, Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cần Thơ.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Điện thoại Nam Sài Gòn (SST)
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Cổ phần cá nhân: 447 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,018% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

**4.3. Bà NGUYỄN THỊ KIM CÚC, Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1961
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Cổ phần cá nhân: 1.393 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,056% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

#### **4.4. Ông TÔN MINH THÔNG, Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thị xã Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, Kỹ sư Máy tính, Kỹ sư Vô tuyến thông tin.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT kiêm nhiệm Giám đốc Ban Quản lý Dự án Mạng truyền dẫn MicroWave SPT

- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Cổ phần cá nhân: 447 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,018% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

#### **4.5. Ông LÊ QUANG TRIỆU, Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Huyện Mỏ Cày, Tỉnh Bến Tre.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật Viễn thông, Kỹ sư Vô tuyến điện và thông tin, Cao đẳng Kỹ sư thực hành Vô tuyến điện.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT

- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Cổ phần cá nhân: 249 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,010% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

#### **4.6. Ông HỒ HỒNG SƠN, Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1957
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Cam Lộ, Quảng Trị.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Công nghệ lọc hóa dầu.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT kiêm nhiệm Giám đốc điều hành Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom)

- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Cổ phần cá nhân: 249 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,010% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

#### **4.7. Ông TRƯƠNG HOÀNG HÙNG, Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kế toán Quốc tế (Úc), Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tín dụng

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

#### **4.8. Ông NGUYỄN LỆ, Kế toán trưởng**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Thuận
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư Công nghệ thông tin
- Chức vụ công tác hiện nay: Quyền Kế toán trưởng Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:

+ Cổ phần cá nhân: 377 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,015% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

## V. Thông tin tổng hợp về cổ đông

### 5.1. Cổ đông góp vốn trong nước

- Cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước đến ngày 31/12/2006:

CỔ ĐÔNG	Tổng số vốn cổ phần		
	Tổng số tiền	SL cổ phần	Tỉ lệ %
Cổ đông DNNN, Tổ chức CT - XH	161.306.700.000	1.613.067	71,692%
Cổ đông tổ chức ngoài DNNN, Tổ chức CT - XH	38.836.300.000	388.363	17,261%
Cổ đông là cá nhân ngoài công ty	20.154.500.000	201.545	8,958%
Cổ đông là cán bộ viên chức Công ty	2.843.500.000	28.435	1,264%
Cổ phiếu quỹ	1.859.000.000	18.590	0,826%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>2.250.000</b>	<b>100,000%</b>

5.2. Các cổ đông lớn của Cty SPT (có tỷ lệ vốn góp từ 3% trở lên/Tổng vốn điều lệ):

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KD	SL CỔ PHẦN	TỶ LỆ VỐN GÓP
TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH (SUNIMEX)	71-79 Đông Khởi, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	Dịch vụ thương mại, sản xuất và đầu tư	95.641	3,826%
CTY TNHH 1 TV DU LỊCH, THƯƠNG MẠI KỶ HÒA	12 Đường 3/2, P.12, Q.10, TP.HCM	Nhà hàng, khách sạn	94.928	3,797%
BAN TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ THÀNH ỦY	135 Trương Định, P.7, Q.3, TP.HCM	Đa ngành nghề	93.297	3,732%
CÔNG TY TNHH 1 TV DẦU KHÍ TP.HCM (SAIGONPETRO)	27 Nguyễn Thông, P.7, Q.3, TP.HCM	Sản xuất, kinh doanh xăng dầu khí đốt và liên doanh sản xuất KD nhớt	93.351	3,734%
CÔNG TY TNHH T.N.T (T&T CO. LTD)	258 Bis Trần Hưng Đạo, P.Ng Cư Trinh, Q1, TP.HCM	Kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng	92.540	3,702%
CÔNG TY CP DV TỔNG HỢP SÀI GÒN (SAVICO)	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Ng Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Dv sinh hoạt và sửa chữa, bảo hành các tư liệu SX và tiêu dùng, DV du lịch và thương nghiệp, SX và XNK.	90.000	3,600%
QUẬN ỦY QUẬN I	30 Phùng Khắc Khoan, P.Đakao, Q.1, TP.HCM	Thu mua, gia công chế biến, KD các mặt hàng nông lâm thủy hải sản	93.219	3,729%
CTY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KD NHÀ BẾN THÀNH	104 Cống Quỳnh, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.HCM	KD nhà, xây nhà ctrinh, nhà ở và XD khác.	90.388	3,616%
CÔNG TY QUẢN LÝ NHÀ QUẬN 1	28-30 Nguyễn Thái Bình, P.Ng Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Quản lý bảo dưỡng nâng cấp nhà, phát triển nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.	361.617	14,465%
TỔNG CÔNG TY BC VIỄN THÔNG (VNPT)	01 Đào Duy Anh (Toà nhà Hàng Hải), Hà Nội	KD các dvu BCVT, khảo sát thiết kế XD các ctrinh BCVT, XNK cung ứng vtư thiết bị BCVT	335.798	13,432%
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB	09 Lê Ngô Cát, P.7, Q.3, TP.HCM	Chứng khoán	150.000	6,000%

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KD	SL CỔ PHẦN	TỶ LỆ VỐN GÓP
QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM	Tầng 12 tháp A, Vincom City, 191 Bà Triệu, Hà Nội	Đầu tư	100.000	4,000%

### 5.3. Cổ đông nước ngoài

Công ty SPT không có cổ đông nước ngoài.

**Tổng Giám đốc**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**PHẠM NGỌC TUẤN**